

Số: 03/2023/QĐST-HNGĐ

Cẩm Giàng, ngày 12 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Thiện Phán.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-VDS ngày 04 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Bằng - Chủ tịch UBND xã Lương Điền.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Đào Thị D, sinh năm 1984 và anh Vũ Đình Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn ĐG, xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương

Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết và quá trình giải quyết vụ việc, đại diện UBND xã Lương Điền trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Lương Điền và đề nghị của công dân; Ủy ban nhân dân xã Lương Điền phát hiện trường hợp anh Vũ Đình Q, sinh ngày 20/11/1980 và chị Đào Thị D, sinh ngày 24/5/1984, có ĐKKHKT và cư trú tại ĐG, xã LĐ, huyện CG, tỉnh

Hải Dương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền vào ngày 12 tháng 01 năm 2001 là trái pháp luật. Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, giấy khai sinh, xác nhận thông tin về cư trú và một số giấy tờ tùy thân khác của chị D, xác định chị Đào Thị D, sinh ngày 24/5/1984, tuy nhiên ngày 12/01/2001, Chị D đã đăng ký kết hôn với anh Vũ Đình Q, khi đó chị D vẫn còn thiếu **04** tháng **12** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”.

Khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, chị D, anh Q đã thống nhất tự khai tăng tuổi chị D từ 1984 thành 1982 để đủ tuổi đăng ký kết hôn; cán bộ tự pháp của UBND xã Lương Điền kiểm tra không kỹ giấy tờ tùy thân của anh Q, chị D và căn cứ vào lời khai của anh Q, chị D để đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2001 cho anh chị, trong đó ghi chị Đào Thị D, sinh năm 1982, anh Vũ Đình Q, sinh năm 1980 (sai so với căn cước công dân và giấy khai sinh của chị Đào Thị D, sinh ngày 24/5/1984); Như vậy, UBND xã Lương Điền đăng ký kết hôn cho anh Q, chị D khi chị D chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn như trên là trái pháp luật, vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho chị D và anh Q nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến việc học hành, thi cử đối với các con của anh chị khi các tài liệu hồ sơ, giấy tờ tùy thân của vợ chồng và các con của anh chị không khớp với nhau. Hiện tại anh Q và chị D vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn ĐG, xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương. Vì vậy UBND xã Lương Điền đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh Vũ Đình Q và chị Đào Thị D ngày 12 tháng 01 năm 2001. Bên cạnh đó, nếu anh Q và chị D có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Q, chị D trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng ngày 12 tháng 01 năm 2001. Tuy nhiên, tại thời điểm đi đăng ký kết hôn, chị D còn thiếu **04** tháng **12** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”; tuy nhiên chị D, anh Q đã thống nhất tự khai tăng tuổi chị D từ sinh năm 1984 thành sinh năm 1982 để đủ tuổi đăng ký kết hôn và cũng vì

nguyện vọng, mong muốn của gia đình để có thể đăng ký kết hôn được hợp pháp. Sau đó, UBND xã Lương Điền đã đăng ký kết hôn cho anh chị tại Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 06 ngày 12/01/2001, thể hiện chị Đào Thị D, sinh năm 1982. Kể từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, vợ chồng anh chị về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 03 con chung là Vũ Đình Mạnh Tr, sinh năm 2001; Vũ Thị Phương Th, sinh ngày 29/4/2007 và Vũ Bông Y, sinh ngày 05/09/2012. Vì vậy, vợ chồng anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị kể từ thời điểm vợ chồng anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh tại UBND xã Lương Điền cung cấp: tại thời điểm năm 2001 ông Phạm Đình Tr1 và Hoàng Đình P là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh Q, chị D do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ lưỡng và tin tưởng theo lời khai của anh Q, chị D nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 12/01/2001.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng áp dụng: Áp dụng khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã Lương Điền, Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đình Q sinh ngày 20/11/1980 và chị Đào Thị D, sinh ngày 24/5/1984, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 24/5/2002.

- Về lệ phí: UBND xã Lương Điền, Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí theo quy định.

Anh Q, chị D phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị D và anh Vũ Đình Q hiện cư trú tại thôn Đông Giao, xã Lương Điền; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền. UBND xã Lương Điền có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh chị, đồng thời anh Q, chị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý vụ việc là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã Lương Điền; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Q, chị D vắng mặt và đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp; căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu: Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, giấy khai sinh, xác nhận thông tin cư trú và một số giấy tờ tùy thân khác của chị D, xác định chị Đào Thị D, sinh ngày 24/5/1984, tuy nhiên ngày 12/01/2001, Chị D tiến hành đăng ký kết hôn với anh Vũ Đình Q, khi đó chị D vẫn còn thiếu **04** tháng **12** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Vì chị D chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh chị thừa nhận đã tự khai tăng tuổi chị D từ sinh năm 1984 thành sinh năm 1982 để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn, xuất phát từ nguyện vọng kết duyên vợ chồng, về chung một nhà xây dựng tổ ấm. Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ UBND xã đăng ký kết hôn thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn cho chị D anh Q, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 06 ngày 12/01/2001 ghi họ tên vợ là Đào Thị D, sinh năm 1982 và họ tên chồng là Vũ Đình Q, sinh năm 1980. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân

gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã Lương Điền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, chị D, anh Q đã chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung là Vũ Đình Mạnh Tr, sinh năm 2001; Vũ Thị Phương Th, sinh ngày 29/4/2007 và Vũ Bông Y, sinh ngày 05/09/2012. Quá trình chung sống, anh Q, chị D không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần thiết hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị D và anh Vũ Đình Q kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày **24/5/2002**.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Chị D, anh Q có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149, 367, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Đào Thị D và anh Vũ Đình Q.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị Đào Thị D và anh Vũ Đình Q.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Đào Thị D**, sinh ngày 24/5/1984 và anh **Vũ Đình Q**, sinh ngày 20/11/1980; ĐKKHKT và nơi cư trú đều ở: thôn ĐG, xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2002*).

3. Về lệ phí:

- UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Vũ Đình Q và chị Đào Thị D phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001886 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã Lương Điền; chị D, anh Q có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Lương Điền;
- Chi Cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thiện Phán